

Số: 04-1/QĐ-LTTg

Quận 8, ngày 05 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024
của Trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai Ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 4273/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc thành lập Trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông;

Căn cứ Quyết định số 7052/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 của Trường Trung học cơ sở Lý Thánh Tông (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Bộ phận kế toán, Tổ trưởng các Tổ chuyên môn và các cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng TC-KH Q8;
- Lưu: VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Minh Châu

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính
 Đơn vị : **TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ LÝ THÁNH TÔNG**
 Chương: 622

THÔNG BÁO THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 7052/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân Quận 8)
 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

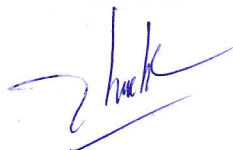
Đvt: đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	0
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
	Cho thuê mặt bằng	
	Thiết bị vật dụng bán trú	
	Hoạt động năng khiếu (nhịp điệu, võ)	
	Vệ sinh bán trú	
	Phục vụ bán trú	
	Học 2 buổi	
	Tiếng Anh tự chọn	
	Vi tính tự chọn	
	Anh văn bản ngữ	
	Nha học đường	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí thực hiện chế độ không tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.932.400.000
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16.932.400.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.148.000.000
a	Chi thường xuyên	8.148.000.000
Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân		8.049.000.000
	Mục 6000:	4.712.687.000
6001	Lương theo ngạch bậc	4.712.687.000
6003	Lương hợp đồng dài hạn	
6049	Lương khác (truy lương)	
	Mục 6050:	0
6051	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	
	Mục 6100:	2.072.859.000
6101	Phụ cấp chức vụ	68.391.000
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	1.393.460.000
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	15.689.000

6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	595.319.000
	Mục 6200:	0
6201	Thưởng thường xuyên theo định mức	
	Mục 6300:	1.263.454.000
6301	Bảo hiểm xã hội	940.870.000
6302	Bảo hiểm y tế	161.292.000
6303	Kinh phí công đoàn	107.528.000
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	53.764.000
	Mục 6400:	0
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	0
Tiểu nhóm 0130: Chi về hàng hóa, dịch vụ		99.000.000
	Mục 6500:	92.000.000
6501	Thanh toán tiền điện	0
6502	Thanh toán tiền nước	75.000.000
6504	Thanh toán tiền vệ sinh, môi trường	17.000.000
	Mục 6550:	7.000.000
6551	Văn phòng phẩm	7.000.000
6552	Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng	
6599	Vật tư văn phòng khác	0
	Mục 6600:	0
6601	Cước phí điện thoại trong nước	0
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí internet, thuê đường truyền mạng	
6608	Phim ảnh; ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	
6618	Khoản điện thoại	
	Mục 6700:	0
6704	Khoản công tác phí	
	Mục 6750:	0
6757	Thuê lao động trong nước	
	Mục 6900:	0
6907	Nhà cửa	
6912	Các thiết bị tin học	
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng	
6949	Các TS và công trình cơ sở hạ tầng khác	
	Mục 7000:	0
7001	Chi mua hàng hóa vật tư	
7004	Đồng phục, trang phục, bảo hộ lao động	
7012	Chi thanh toán HĐ thực hiện nghiệp vụ chuyên môn	
7049	Chi khác	
Tiểu nhóm 0132: Các khoản chi khác		
	Mục 7750:	
7764	Chi lập quỹ khen thưởng theo CD quy định	
<i>b</i>	<i>Nguồn KP cải cách tiền lương</i>	<i>0</i>
Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân		0
	Mục 6000:	0
6001	Lương theo ngạch bậc	
	Mục 6100:	0
6101	Phụ cấp chức vụ	
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	

	Mục 6300:	0
6301	Bảo hiểm xã hội	
6302	Bảo hiểm y tế	
6303	Kinh phí công đoàn	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên từ ngân sách	8.784.400.000
Tiểu nhóm 0129: Chi thanh toán cho cá nhân		6.134.400.000
	Mục 6150:	0
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	0
	Mục 6400:	6.134.400.000
6449	Chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố	5.931.000.000
6449	Trợ cấp, phụ cấp khác	203.400.000
Tiểu nhóm 0132: Các khoản chi khác		2.650.000.000
	Mục 7750:	2.650.000.000
7766	Cấp bù học phí cho các cơ sở GD đào tạo theo chế độ	2.650.000.000

Kế toán



Ngô Thị Thu Bích

Ngày 05 tháng 01 năm 2024

Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Minh Châu